

Bản án số: 14/2026/DS-ST

Ngày: 09-02-2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc.

2. Ông Nguyễn Văn Lem.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký viên của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Thiện.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 212/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Minh T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp D, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

2. *Bị đơn:* Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp D, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

(Ông Đặng Minh T có mặt, bà Thạch Thị S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Đơn khởi kiện bổ sung; Bản tự khai; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Minh T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 31/3/2024, ông có cho bà Thạch Thị S vay số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 2.000.000 đồng/tháng, mục đích vay là để làm ăn. Hai bên có viết Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024, hai bên có ký tên và ghi rõ họ tên. Bà S có đóng lãi cho ông được 01 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng. Sau đó, bà S không tiếp tục đóng lãi, cũng không trả lại số tiền gốc cho ông.

Ngày 01/6/2024, ông tiếp tục cho bà S vay số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 800.000 đồng/tháng, thời hạn vay là từ ngày 01/6/2024 đến ngày 31/3/2025, mục đích vay là để làm ăn. Bà S có ghi vào mặt sau Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024 và có ký tên, ghi rõ họ tên. Đến nay, bà S không đóng lãi, cũng không trả lại số tiền gốc cho ông.

Hết thời hạn vay, ông nhiều lần yêu cầu bà S trả lại số tiền đã vay cho ông, bà S hứa hẹn nhiều lần nhưng vẫn không trả, còn cố tình trốn tránh. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà S trả cho ông số tiền gốc đã vay tổng cộng là 30.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn bà S đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan do vắng mặt nhiều lần, không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và tại các phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, buộc bà S trả cho ông T số tiền gốc đã vay tổng cộng là 30.000.000 đồng, ghi nhận ông T không yêu cầu tính lãi.

Về án phí: Bị đơn bà S là người chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Ông Đặng Minh T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long giải quyết buộc bà Thạch Thị S trả số tiền gốc đã vay theo Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024 và ngày 01/6/2024. Theo Giấy mượn tiền trên thì bà S cư trú tại ấp D, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre (nay là ấp D, xã G, tỉnh Vĩnh Long). Theo Công văn số 65/CV-CAX ngày 28/11/2025 của Công an xã G, tỉnh Vĩnh Long thì bà S có đăng ký thường trú tại địa chỉ trên nhưng hiện không còn sinh sống tại địa chỉ trên, hiện không rõ bà S đang sinh sống tại đâu. Do đó, có căn cứ xác định bà S có tình giấu địa chỉ.

Như vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án thì đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long và Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiếp tục giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Bị đơn bà S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà S.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T:

Theo ông T trình bày thì ông có cho bà S vay số tiền gốc tổng cộng là 30.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024 và ngày 01/6/2024, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là đến ngày 31/3/2025, lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng đối với khoản vay 20.000.000 đồng và 800.000 đồng/tháng đối với khoản vay 10.000.000 đồng; đến nay đã quá hạn nhưng bà S không trả cho ông số tiền trên mặc dù ông đã yêu cầu nhiều lần nên ông khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông T là Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024 chữ ký tên, ghi rõ họ tên của ông T, bà S và Văn bản không tựa đề ngày 01/6 có chữ ký tên, ghi rõ họ tên của bà S do ông T cung

cấp, theo đó vào ngày 31/3/2024 bà Thạch Thị S, sinh ngày 01/01/1986; quê quán: K, N, Trà Vinh; thường trú: ấp D, xã H, G; số căn cước công dân: A có vay của ông T số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng và vào ngày 01/6 bà Thạch Thị S có vay thêm của ông T số tiền 10.000.000 đồng. Ông T cho rằng thời hạn vay của khoản vay ngày 01/6 là đến ngày 31/3/2025, lãi suất là 2.000.000 đồng/tháng đối với khoản vay 20.000.000 đồng và 800.000 đồng/tháng đối với khoản vay 10.000.000 đồng nhưng ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà S đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng bà S đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Do đó, đối với khoản vay ngày 31/3/2024 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi; đối với khoản vay ngày 01/6 là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, không có lãi; đều là bản viết tay, không có công chứng hoặc chứng thực. Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Điều luật này không quy định bắt buộc về hình thức của hợp đồng vay tài sản và cũng không yêu cầu phải công chứng hoặc chứng thực. Tại Công văn số 65/CV-CAX ngày 28/11/2025 của Công an xã G, tỉnh Vĩnh Long đã xác nhận bà Thạch Thị S, sinh năm 1986, căn cước công dân: A có đăng ký thường trú tại địa chỉ ấp D, xã G, tỉnh Vĩnh Long. Như vậy, các hợp đồng vay tài sản trên có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 117, Điều 119 Bộ luật dân sự, từ đó ràng buộc quyền, nghĩa vụ của ông T, bà S và từ đó có cơ sở xác định bà S có vay của ông T số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng.

Đối với khoản vay ngày 31/3/2024 thì thời hạn vay là 01 tháng, đến nay đã quá hạn; đối với khoản vay ngày 01/6 thì không ghi thời hạn vay nhưng đến nay bà S vẫn chưa trả cho ông T hai khoản tiền đã vay trên tổng cộng là 30.000.000 đồng; ngày 16/7/2025, ông T khởi kiện tại Tòa án. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà S đến để giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T nhưng bà S đều vắng mặt không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông T. Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Như vậy, việc ông T khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền gốc tổng cộng là 30.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận. Ông T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên nên được ghi nhận.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận, buộc bà S có nghĩa vụ trả cho ông T số tiền tổng cộng là 30.000.000 đồng nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $30.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 1.500.000 \text{ đồng}$ do bà S phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468, 469 và Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Minh T đối với bị đơn bà Thạch Thị S theo Giấy mượn tiền đề ngày 31/3/2024 và Văn bản không trả đề ngày 01/6.

Buộc bà Thạch Thị S có trách nhiệm thanh toán cho ông Đặng Minh T số tiền gốc đã vay tổng cộng là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, ghi nhận ông Đặng Minh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, buộc bị đơn bà Thạch Thị S phải nộp.

Nguyên đơn ông Đặng Minh T được nhân lại số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp là 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005516 ngày 14/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về thi hành án:

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến